

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/01/2022

*V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Lê Minh Phụng**

2. Ông **Trần Văn Sáu**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Võ Liên Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2021/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Trà Minh T**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N có mặt tại phiên tòa; anh T vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo Đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:* Chị và anh Trà Minh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài nhiều năm. Nguyên nhân do anh T thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn, không lo cho gia đình, vợ chồng hay cãi vã nên không còn hạnh phúc và anh, chị đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 02/2021 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh, chị có 03 con chung tên Trà Thanh X, sinh ngày 30/12/2003, Trà Minh Y, sinh ngày 09/6/2011 và Trà Thanh Z, sinh ngày 09/7/2019. Hiện 03 con chung đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được

nuôi cháu Z và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu X và cháu Y có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Theo Bản tự khai ngày 23/11/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trà Minh T trình bày: Về quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung anh thống nhất với trình bày của chị N. Tuy nhiên theo anh, mâu thuẫn của vợ chồng không lớn chỉ mới phát sinh từ tháng 04/2021 đến nay. Nguyên nhân do bất đồng trong chi tiêu tiền bạc. Ngoài ra, không còn nguyên nhân mâu thuẫn nào khác. Vợ chồng cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 04/2021 đến nay. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị N vì còn thương vợ con. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu nuôi hết 03 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu nuôi hết 03 con chung. Bị đơn anh T vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn Trà Minh T không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định tại Khoản 15; Khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Trà Minh T đã phát sinh mâu thuẫn ly thân từ năm 2020, dù đã quay lại sống chung nhưng vẫn còn mâu thuẫn và ly thân từ tháng 02/2021 đến nay cho thấy mâu thuẫn giữa hai người là trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị N phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: cả hai có 03 con chung là Trà Thanh X, Trà Minh Y, Trà Thanh Z, hiện đang sống với chị N, chị N yêu cầu được nuôi cả ba con. Để đảm bảo cuộc sống bình thường, ổn định, tránh làm xáo trộn tâm lý cho các con sau ly hôn, nhận thấy cả ba cháu X, Y, Z đang sống với chị N, riêng cháu Z chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cả ba cháu X, Y và Z cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: chị N không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị N.

+ Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con của chị và anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Chị N có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh T và yêu cầu nuôi con chung của chị và anh T nên xác định đây là tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về việc vắng mặt của đương sự:* Xét thấy, anh Trà Minh T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc chị N khởi kiện đến lần thứ hai, nhưng anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

### [2]. Về nội dung vụ án:

#### 2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Trà Minh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2003 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 01/2008 ngày 05/8/2008. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài. Nguyên nhân theo lời chị N khai do anh T thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn, không lo cho gia đình, vợ chồng hay cãi vã. Còn anh T cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng không lớn, chỉ do bất đồng trong chi tiêu tiền bạc.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị lúc đầu không lớn, nhưng do anh chị không giải quyết để mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, dẫn đến nhiều lần cắt đứt quan hệ vợ chồng với nhau.

Ngoài ra, vào tháng 10/2020, chị N đã một lần nộp đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án, nhưng sau đó chị không đến Tòa án theo triệu tập do chị muốn tạo điều kiện cho anh T có cơ hội sửa đổi. Tòa án nhân dân huyện Cái Bè đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 146/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2020. Sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, vợ chồng anh, chị có về đoàn tụ sống chung vài tháng thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 02/2021 đến nay. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc chị N xin ly hôn anh, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, chứng tỏ anh cũng không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N và xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi của mình.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N và cho chị Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn với anh Trà Minh T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

## 2.2. Về con chung:

- Chị N và anh T có 03 con chung tên Trà Thanh X, sinh ngày 30/12/2003, Trà Minh Y, sinh ngày 09/6/2011 và Trà Thanh Z, sinh ngày 09/7/2019. Hiện 03 con chung do chị N nuôi dưỡng. Chị N có yêu cầu nuôi hết 03 con chung. Anh T mặc dù vắng mặt tại phiên tòa, nhưng theo ý kiến anh T tại Biên bản hòa giải do Tòa án lập ngày 02/12/2021 anh cũng có yêu cầu nuôi hết 03 con chung

Xét thấy con chung của anh, chị tên Trà Thanh X, sinh ngày 30/12/2003 đã thành niên, nên cháu X muốn sống với ai người đó nuôi dưỡng.

Còn Trà Minh Y, sinh ngày 09/6/2011 và Trà Thanh Z, sinh ngày 09/7/2019, mặc dù anh T có yêu cầu nuôi con, nhưng được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử việc chị N xin ly hôn anh và nuôi con chung nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, chứng tỏ anh cũng không còn quan tâm đến quan hệ gia đình và xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi của mình. Xét thấy 02 con chung hiện do chị N nuôi dưỡng từ khi anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay cũng đã ổn định, nên không cần xáo trộn tình cảm của 02 con chung, nên tiếp tục giao 02 con chung tên Trà Minh Y và Trà Thanh Z cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh T.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

## 2.3. Về tài sản chung: Không có.

## 2.4. Về nợ chung: Không có.

[3]. **Về án phí:** Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **Về quyền kháng cáo:** Chị N và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

## Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc N.

- Cho chị Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn với anh Trà Minh T.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Ngọc N.

- Giao 02 con chung tên Trà Thanh Z, sinh ngày 09/7/2019 và Trà Minh Y, sinh ngày 09/6/2011 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

- Không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh Trà Minh T.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét do chị N không yêu cầu.

- Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000791 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị đã thi hành xong phần án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

- Chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Anh T được tính từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã An Cư, H. Cái Bè, TG;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**PHẠM VĂN NHỊN**